CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN

THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH

(BEN THANH TSC)

MỤC LỤC

Chương I 1
QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 1
Chương II 1
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 1
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 6
Chương III 6
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 7
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 7
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 8
Chương IV 9
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 9
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 9
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 11
Chương V 12
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 12
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 12
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 13
Chương VI 13
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 14

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 14
Điều 23. Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị 14
Chương VII 14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 14
Điều 24. Hiệu lực thi hành 14

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
3. Giải thích từ ngữ:

   "Công ty" là Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.

   "ĐHĐCĐ" là từ viết tắt của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

   "HĐQT" là từ viết tắt của Hội đồng quản trị Công ty.

   "BKS" là từ viết tắt của Ban Kiểm soát Công ty.

   "TGĐ" là từ viết tắt của Tổng Giám đốc Công ty.

   "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.
2. HĐQT giao trách nhiệm cho TGĐ tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ khác của Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải bảo mật.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty và công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên HĐQT do HĐQT phân nhiệm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên HĐQT độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGĐ, Phó TGĐ và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty vì mục đích liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT và phải bảo mật các thông tin này.

2. Người quản lý Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

3. Yêu cầu cung cấp tài liệu của thành viên HĐQT phải được lập thành văn bản, gửi đến trụ sở Công ty và phải nêu rõ tài liệu cần cung cấp. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ bảo mật các thông tin được cung cấp.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT có số thành viên từ ba (03) người đến mười một (11) người, số lượng thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được thay đổi theo quyết định của ĐHĐCĐ. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không

hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty.

3. Thành viên HĐQT độc lập phải thông báo với HĐQT khi không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên HĐQT độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên HĐQT độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT độc lập trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên HĐQT độc lập có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm TGĐ.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

   c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

   d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

   e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

   f) Giải quyết các công việc thuộc nhiệm vụ của HĐQT giữa hai (02) kỳ họp HĐQT và báo cáo tình hình quản trị Công ty tại các phiên họp HĐQT.

g) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

h) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.

i) Tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT và các quy định khác của Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

   Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch HĐQT trong trường hợp này.

   Trường hợp Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT cùng thuộc một trong các trường hợp nêu trên thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

   a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

   c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

   a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

   a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

   b) Số lượng thành viên HĐQT độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 của Quy chế này;

   c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng cử viên vào HĐQT; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên và từ 90% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên.

   Việc đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau:

   a) Các cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

   b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì HĐQT đương nhiệm hoặc các cổ đông, nhóm cổ đông khác đủ điều kiện tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quyết định của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc theo phương thức khác. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT

được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;
   c) Quá trình công tác;
   d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
   e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
   g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật về chứng khoán.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, HĐQT còn có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

   a) Quyết định việc thay đổi logo của Công ty trên thị trường;

   b) Quyết định việc sử dụng quỹ hoạt động của HĐQT, BKS do ĐHĐCĐ giao hàng năm. Ngoài ra, HĐQT có thể quyết định khen thưởng cho cá nhân khác có đóng góp vào hoạt động chung của HĐQT, BKS.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT xem xét chấp thuận thông qua các giao dịch quy định tại điểm h, điểm i, điểm j, điểm k Khoản 2 Điều 26 Điều lệ.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch nêu tại điểm i, điểm j Khoản 2 Điều 26 Điều lệ phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT xem xét quyết định trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

   a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

   b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

   c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ của cổ đông, nhóm cổ đông trên phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của

các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của BKS;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu của các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

2. HĐQT có quyền quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty khi xét thấy cần thiết. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT và không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng sau đây có đề nghị:
   a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập;
   b) Có đề nghị của TGĐ hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
   c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

   Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cổ đông sở hữu từ 20% cổ phần của Công ty trở lên được quyền tham dự cuộc họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT có trách nhiệm gửi thư mời họp, tài liệu họp cho cổ đông này như đối với các thành viên HĐQT. Sau khi nhận được thư mời, tài liệu cuộc họp, cổ đông này nếu xét thấy cần thiết tham dự cuộc họp thì phải có văn bản thông báo cho HĐQT. Tại cuộc họp HĐQT, cổ đông này được quyền phát biểu ý kiến, thảo luận các vấn đề nhưng không được quyền biểu quyết.

   Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu từ 20% cổ phần của Công ty trở lên phải có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

   a) Gửi thông báo bằng văn bản về tỷ lệ sở hữu đến HĐQT kể từ thời điểm Quy chế này được thông qua.

      Trường hợp cổ đông tăng tỷ lệ sở hữu từ dưới 20% lên từ 20% cổ phần trở lên hoặc giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 20% cổ phần thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến HĐQT về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của mình trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

      Việc gửi thông báo của cổ đông về tỷ lệ sở hữu từ 20% cổ phần trở lên phải được thực hiện trước thời điểm HĐQT gửi thư mời họp HĐQT thì cổ đông mới có quyền dự họp HĐQT.

   b) Gửi thông báo bằng văn bản cho HĐQT về việc tham dự cuộc họp trước ngày diễn ra cuộc họp ít nhất một (01) ngày làm việc.

   c) Không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT. Trường hợp cổ đông là tổ chức thì người đại diện tham dự cuộc họp HĐQT là một người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó.

   d) Có trách nhiệm tuân thủ quy định về bảo mật thông tin đối với những thông tin có được từ việc tham dự cuộc họp HĐQT như thành viên HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ của Công ty.

9. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

    a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

    b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

11. Trường hợp thành viên HĐQT gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b) Thời gian, địa điểm họp;

   c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

   e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

   f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

   g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

   h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
   a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
   b) Báo cáo tài chính;
   c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
   d) Báo cáo thẩm định của BKS.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1 Điều này và Báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản

tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình. Việc thanh toán này được thực hiện theo quyết định của HĐQT.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
   b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; trường hợp thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác

nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với bộ máy điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định để TGĐ và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 23. Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Quỹ hoạt động của HĐQT, BKS được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty. Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định theo phương án đề nghị của HĐQT. HĐQT có toàn quyền quyết định việc sử dụng nguồn quỹ này theo các nhu cầu thực tế.
2. Quỹ hoạt động của HĐQT, BKS được sử dụng vào các mục đích:
   a) Thù lao, chi phí hoạt động hợp lý cho các thành viên HĐQT, BKS.
   b) Các chi phí phát sinh khác trong hoạt động của HĐQT, BKS.
   c) Khen thưởng những người quản lý Công ty, người lao động trong Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và các cá nhân khác có đóng góp cho hoạt động của HĐQT, BKS.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp Quy chế này có những nội dung không phù hợp với những quy định mới của pháp luật hoặc Điều lê tổ chức và hoạt động của Công ty hoặc các quy chế, quy định mới do HĐQT ban hành mà Quy chế này chưa được sửa đổi, bổ sung thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành bao gồm 07 chương, 24 Điều có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua và thay thế cho toàn bộ Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành và sửa đổi trước đây.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VIỆT HÒA